TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 13-01-2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh T.

Bà Trần Thị Kim Ng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 292/20l4/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2024/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị K - Sinh năm 1944; Địa chỉ: ấp BA B, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích Th1 Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước BT. Có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Công S - Sinh năm 1976 và bà Trần Thị Út Nh - Sinh năm 1984; Địa chỉ: KP2, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị K trình bày: Vào ngày 08/12/2022 tôi là Phạm Thị K có cho vợ chồng ông Võ Công S bà Trần Thị Út Nh mượn 9 chỉ vàng loại 24kra, có viết giấy mượn vàng do ông S ký tên, không có công chứng chứng thực, ông S hứa trong vòng 01 năm sau, tức đến ngày 08/12/2023 thì trả lại số vàng mượn. Bà K giao vàng cho ông Võ Công S, bà Trần Thị Út Nh tại nhà bà K thuộc số nhà 515/10 tổ 2, ấp Bình An B, thị Trấn CL, huyện CL, tỉnh BT.

Khoảng tháng 01/2023, bà K có cho ông Võ Công S, bà Trần Thị Út Nh mượn thêm số vàng 2 chỉ vàng loại 24kra, không có làm giấy mượn vàng mà bà K giao trực tiếp số vàng 2 chỉ vàng 24kra cho bà Trần Thị Út Nh tại nhà bà K.

Khoảng tháng 3/2023, bà K có cho ông Võ Công S, bà Trần Thị Út Nh mượn số vàng 12 chỉ vàng loại 24kra, không có làm giấy mượn vàng mà bà K giao trực tiếp số vàng 12 chỉ vàng 24kra cho bà Trần Thị Út Nh tại nhà bà K.

Khoảng tháng 5/2023, bà K có cho bà Trần Thị Út Nh mượn 1 đôi bông tai, trọng lượng 01 chỉ vàng loại vàng 18kra để đi đám cưới gần nhà, không có làm giấy mượn vì bà tin tưởng bà Út Nh đi đám cưới xong trả lại cho bà nhưng khi đi đám cưới xong bà Út Nh không trả lại.

Tổng số vàng bà K cho ông S, bà Út Nh mượn là 24 chỉ vàng trong đó gồm 23 chỉ vàng loại 24kra và 01 chỉ vàng loại vàng 18kra, 01 chỉ vàng 18kra.

Ngoài ra, khoảng tháng 7/2023, bà K có cho vợ chồng ông S, bà Út Nh mượn số tiền 55.000.000đồng, không có làm giấy mượn hay biên nhận nhận tiền mà giữa hai bên chỉ trao đổi miệng và bà K giao số tiền cho vợ chồng ông S, bà Út Nh tại nhà bà K.

Khi mượn thì ông S, bà Nh nói là mượn để làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên bà K tin tưởng cho mượn.

Nay do cần lấy lại số tiền và vàng trên để lo cuộc sống nhu cầu bản thân gia đình, nhiều lần bà K đến nhà ông S, bà Nh yêu cầu trả lại số vàng và tiền đã mượn nhưng ông, bà không trả. Vì vậy, bà K yêu cầu Toà án nhân dân huyện CL giải quyết buộc ông Võ Công S, bà Trần Thị Út Nh phải trả lại số vàng mượn là 24 chỉ vàng (trong đó gồm 23 chỉ vàng loại 24kra và 01 chỉ vàng loại vàng 18kra) và số tiền mượn là 55.000.000đồng, bà K không yêu cầu tính lãi.

Theo văn bản trình bày ý kiến và biên bản hòa giải ngày 11/11/2024, bị đơn ông Võ Công S trình bày: ông S thừa nhận có mượn của dì 7 K số vàng là 9 chỉ vàng 24kra, có làm giấy mượn tiền ngày 08/12/2022, nhưng vì làm ăn thất bại không còn vốn nên chưa trả cho bà K. Còn số vàng và tiền còn lại thì ông S không có nhận, do vợ ông là bà Út Nh hỏi vay mượn. Khi vay mượn tiền vàng của bà K thì ông S không biết, bà K cũng không nói với ông S nên phần của ai vay người đó trả, cụ thể ông S chỉ đồng ý trả cho bà K 9 chỉ vàng 24kra do ông mượn, còn số tiền vàng do vợ ông mượn thì vợ ông có trách nhiệm trả cho bà K.

Theo văn bản trình bày ý kiến và biên bản hòa giải ngày 11/11/2024, bị đơn bà Trần Thị Út Nh trình bày: bà thừa nhận có mượn của dì 7 K số vàng là 2 chỉ vàng 24kra và 1,2 cây vàng 24kra, số tiền mượn nhiều lần tổng cộng 15.000.000 đồng nhưng đã trả được 5.000.000đồng, còn lại là 10.000.000đồng.

Riêng 1 đôi bông vàng 18kra thì bà Nh có mượn nhưng đã đem cầm cố ở tiệm vàng, bà không xác định được trọng lượng là bao nhiêu, bà Nh hứa sẽ chuộc lại đôi bông và trả lại cho dì 7 K.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Công S và bà Trần Thị Út Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị K 23 chỉ vàng 24kra và 10.000.000đồng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn không tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 217, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K yêu cầu ông Võ Công S và bà Trần Thị Út Nh trả cho bà 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng loại vàng 18kra và số tiền 45.000.000đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K: Buộc ông Võ Công S và bà Trần Thị Út Nh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị K 23 chỉ vàng loại 24kra và số tiền 10.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà K yêu cầu bị đơn ông Võ Công S và bà Trần Thị Út Nh có địa chỉ tại khu phố 2, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT trả cho bà số tiền vay là 55.000.000.000đồng, 23 chỉ vàng 24kra và 01 chỉ vàng 18kra. Do đó, đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tố tụng: bị đơn ông S, bà Út Nh dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông S, bà Nh là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Phạm Thị K yêu cầu ông Võ Công S và bà Trần Thị Út Nh trả cho bà 24 chỉ vàng, trong đó gồm 23 chỉ vàng loại 24kra và 01 chỉ vàng loại vàng 18kra và số tiền mượn là 55.000.000đồng.

[2.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 01 chỉ vàng loại vàng 18kra và số tiền mượn là 45.000.000đồng. Xét thấy, việc bà K rút đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K về việc yêu cầu ông S, bà Út Nh trả cho bà số vàng là 23 chỉ vàng 24kra và số tiền 10.000.000đồng nhận thấy:

Đối với số vàng, ông S thừa nhận có vay của bà K 9 chỉ vàng 24kra có ký tên vào giấy viết tay mượn tiền, còn vợ ông S là bà Út Nh thừa nhận có nhận của bà K 14 chỉ vàng 24kra. Xét thấy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, có căn cứ xác định vợ chồng ông S, bà Út Nh có vay của bà K số vàng là 23 chỉ vàng 24kra.

Đối với số tiền bà K yêu cầu ông S, bà Út Nh trả cho bà là 10.000.000đồng, bà Út Nh thừa nhận có vay của bà K 15.000.000đồng, đã trả 5.000.000đồng và còn nợ lại số tiền 10.000.000đồng. Xét thấy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về trách nhiệm liên đới của vợ chồng: Ông S cho rằng bà K khi cho vợ ông vay tiền, vàng thì không đến trao đổi với ông nên ông S không đồng ý liên đới cùng bà Út Nh trả tiền, vàng cho bà K mà chỉ đồng ý trả số vàng ông mượn là 9 chỉ vàng 24kra, còn bà Út Nh thì không có ý kiến gì. Nhận thấy, ông S thừa nhận mượn số vàng của bà K để làm ăn, không đồng ý liên đới cùng vợ ông trả số vàng do vợ ông mượn của bà K là không phù hợp, tuy nhiên tại văn bản trình bày ý kiến ngày 11/11/2024, ông S đồng ý trả tiền, vàng cho bà K. Nhận thấy, số tiền, vàng ông S, bà Út Nh vay của bà K nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên căn cứ Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc ông S, bà Út Nh cùng liên đới trả số vàng, tiền đã vay của bà K là phù hợp.

Từ các cơ sở trên, HĐXX nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà K: buộc ông S, bà Út Nh có trách nhiệm liên đới trả cho bà K 23 chỉ vàng 24kra và số tiền 10.000.000đồng.

[2.3] Bà K không yêu cầu ông S, bà Út Nh trả tiền lãi nên ghi nhận.

[3] Về phát biểu và đề nghị của Viện kiểm sát và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn ông S, bà Út Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với 23 chỉ vàng 24kra và số tiền 10.000.000đồng mà ông bà có trách nhiệm trả cho bà K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 244, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K đối với ông Võ Công S, bà Trần Thị Út Nh.

Buộc ông Võ Công S, bà Trần Thị Út Nh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị K số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và 23 (hai mươi ba) chỉ vàng 24 kra.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị K về việc yêu cầu ông Võ Công S, bà Trần Thị Út Nh trả cho bà 01 chỉ vàng 18kra và số tiền 45.000.000đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Võ Công S và bà Trần Thị Út Nh phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.240.000đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/01/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục T.H.A DS CL;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu